

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày: 21 – 01 – 2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Đạt**

2. Ông **Trương Thanh Giảng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Xuân Cường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2020/TLST-DS Ngày 03 tháng 11 năm 2020: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1950, có mặt.

Địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Mai Hồng H**, sinh năm 1969, có mặt

Địa chỉ: Tổ 5, ấp R, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Thúy L**, sinh năm 1971, có mặt.

Ông **Phạm Duy M**, sinh năm 1968, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp S, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người làm chứng:* Tô Thị **Thúy V**, sinh năm: 1976, có mặt

Địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện cho nguyên đơn- ông Mai Hồng H trình bày như sau:

Bà P có tham gia góp vốn bằng hình thức chơi hụi, chủ hụi là bà Tô Thị **Thúy V**, gồm 48 người tham gia chơi cùng, khai ngày 07/3/2019, 10 ngày khai 01 lần, đóng mỗi lần 1.000.000đ, bà P có đóng được 10 lần hụi sống thì vợ chồng bà L, ông M có qua gặp

mượn chân hụi của bà để đóng tiền làm bằng khoán cho địa chính. Bà L, ông M sẽ hốt chân hụi của bà P và phải đóng số tiền chênh lệch cho bà P (ví dụ như lần đóng hụi sống là 600.000đ / 1.000.000đ thì bà L phải đưa thêm cho bà P 400.000đ để đóng như chân hụi chết là đủ 1.000.000đ). Số người tham gia dây hụi của bà Tô Thị Thúy V gồm có 48 người, bà L mượn chân hụi bỏ số tiền là 440.000đ để được hốt hụi. Như vậy bà L chỉ hốt được $560.000đ \times 38 \text{ người} = 21.280.000đ + 10.000.000đ$ (số tiền hụi sống đã đóng) = 31.280.000đ. Chân hụi còn phải đóng 09 lần nữa mới mãn (là 03 tháng nữa sẽ xong chân hụi). Bà P đóng định kỳ đúng hạn và liên tục cho đến ngày 06/4/2020 thì bà L cùng ông M có đến gặp bà để hỏi mượn chân hụi của bà đang tham gia. Phần hụi này bà tham gia và chưa có nhu cầu muốn hốt vì để dưỡng già và sợ bệnh tật đột xuất. Trước đó bà L đã qua tận nhà năn nỉ bà mượn chân hụi 3 lần nhưng bà đều không đồng ý. Ngày 06/4/2020 thấy vợ chồng cùng qua năn nỉ và thấy hoàn cảnh của vợ chồng bà L cũng khó khăn nên bà cho mượn để xoay sở. Phần hụi này bà P tính đến khi kết thúc hốt được là 46.000.000đ.

Ngày 17/5/2020 thì vợ chồng bà L mượn thêm 12.500.000đ nói là để làm giấy chứng nhận QSD đất, sau một tháng để bán phần đất sẽ hoàn trả tất cả tiền còn nợ bà.

Số tiền này bà P tích góp cho mượn hoàn toàn không lấy lãi đồng nào, từ đó đến nay đã gần 05 tháng bà đã nhiều lần đến đòi lại số tiền nhưng bà L chỉ trả được 500.000đ. Và lấy nhiều lý do để hứa hẹn cố tình không trả nợ cho bà P, sau khi đối chiếu tổng cộng tiền mượn phần hụi và tiền mượn vợ chồng bà L nợ bà P là 58.000.000đ.

Nay bà P yêu cầu bà Trần Thúy L và ông Phạm Duy M liên đới trả số tiền còn nợ là 58.000.000đ và lãi suất phần nợ 12.000.000đ (do đã trả được 500.000đ), theo quy định của pháp luật kể từ ngày 17/5/2020 cho đến khi thanh toán đủ tiền.

Bị đơn bà Trần Thúy L trình bày: Vợ chồng bà thừa nhận cách đây 08 tháng có mượn chân hụi của bà P. Khi thỏa thuận mượn hụi, khi nào mãn hụi thì sẽ trả cho bà P số tiền 46.000.000đ. Ngoài ra bà L có vay của bà P số tiền 12.000.000đ.

Nay vợ chồng bà thừa nhận còn nợ 46.000.000đ tiền hụi và 12.000.000đ tiền nợ vay, tổng cộng là 58.000.000đ.

Cách trả nợ: Do làm ăn khó khăn và vợ chồng bà cũng đóng hụi chết đảng hoàng chứ không có nợ đột nào nên vợ chồng bà yêu cầu tiếp tục được đóng hụi như thỏa thuận cho đến khi dây hụi mãn do bà V là chủ hụi. Còn số nợ 12.000.000đ thì khi nào bắt cá, bắt tôm thì sẽ trả dần dần nhưng không ấn định thời gian cụ thể. Xin không tính lãi phần tiền còn nợ.

Bị đơn ông Phạm Duy M trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau:

Cách nay 8 tháng vợ ông (bà L) có mượn chân hụi của bà P, khi thỏa thuận

mượn hụi là khi nào mãn hụi sẽ trả cho bà P số tiền 46.000.000đ. Ngoài ra vợ ông còn vay của bà P số tiền là 12.000.000đ.

Cách trả nợ: Do hiện nay làm ăn khó khăn và vợ chồng ông cũng đóng hụi chết hàng tháng, không có nợ đợt nào nên ông yêu cầu tiếp tục đóng hụi như thỏa thuận cho đến khi đầy hụi của bà Thúy V làm chủ mãn.

Người làm chứng bà Tô Thị Thúy V trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau:

Bà P có tham gia dây hụi khai ngày 07/3/2019 (âm lịch), do bà V là chủ hụi, hụi 10 ngày khai 01 lần, đóng mỗi lần 1.000.000đ (hụi chết), bà P có đóng được 10 lần hụi thì vợ chồng bà L, ông M có qua gặp mượn chân hụi của bà P để đóng tiền làm bằng khoán cho địa chính. Bà L, ông M sẽ hốt chân hụi của bà P và phải đóng số tiền chênh lệch cho bà P (ví dụ như lần đóng hụi sống là 600.000đ / 1.000.000đ thì bà L phải đưa thêm cho bà P 400.000đ để đóng như chân hụi chết là đủ 1.000.000đ.) Hiện nay còn 09 lần nữa mới mãn (là 3 tháng nữa sẽ xong chân hụi). Số người tham gia dây hụi của bà V gồm có 48 người, bà L mượn chân hụi bỏ số tiền là 440.000đ để được hốt hụi. Như vậy bà L chỉ hốt được $560.000đ \times 38 \text{ người} = 21.280.000đ + 10.000.000đ$ (số tiền hụi sống đã đóng) = 31.280.000đ.

Tại phiên tòa các bên thống nhất đề Hội đồng xét xử điều chỉnh lại quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Về nội dung đề nghị xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Ông Phạm Duy M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trong quá trình thụ lý giải quyết, việc bà L, ông M mượn hụi của bà P do bà V làm chủ hụi xác định quan hệ tranh chấp nợ hụi là không chính xác mà là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà V là chủ hụi và bà P là hụi viên, bà L ông M mượn hụi của bà P về bản chất là mượn tiền của bà P, hàng tháng bị đơn trả tiền cho bà P và bà P vẫn đóng tiền hụi chết cho bà V, các bên không có thỏa thuận bàn giao quyền và nghĩa vụ, mặt khác thực tế từ khi bà L không trả tiền thì hàng tháng bà P vẫn đóng tiền hụi chết cho bà V. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà Trần Thúy L và ông Phạm Duy M liên đới trả số tiền mượn hụi là 46.000.000đ và tiền vay là 12.000.000đ, tổng cộng là 58.000.000đ là có cơ sở chấp nhận một phần, bởi lẽ: Đối với số tiền mượn hụi của các bên thống nhất là sẽ trả 46.000.000đ sau 02 tháng kể từ ngày mượn hụi (ngày 06/4/2020 (âm lịch) tức ngày 28/4/2020 (dương lịch), nhưng theo lời khai của nguyên đơn cũng như người làm chứng là chủ hụi thì số tiền thực tế bà L, ông M mượn chân

hụi của bà P đã hốt được số tiền là 31.280.000đ, nhưng đối với hình thức mượn hụi thì trong luật không có quy định mà chỉ được giao dịch giữa các cá nhân với nhau như một hình thức cho vay tài sản, mặt khác các bên cũng xác nhận chân hụi mà bà P cho bà L, ông M mượn hiện nay vẫn chưa mãn, nên việc yêu cầu vợ chồng bà L, ông M phải trả đủ số tiền 46.000.000đ như khi mãn hụi là không chính xác, bởi không thể buộc bà L, ông M phải trả số tiền mà nó sẽ hình thành trong tương lai. Nên việc buộc bà L, ông M trả số tiền đã hốt hụi là 31.280.000đ và bồi thường thiệt hại số tiền lãi tương ứng với thời gian mà bà L, ông M chậm trả cho bà P. Mặt khác phía bà L, ông M cũng thừa nhận vợ chồng ông, bà có vay và mượn hụi hiện còn nợ bà P số tiền nêu trên. Tại phiên tòa nguyên đơn cũng thống nhất yêu cầu Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp và buộc bị đơn thanh toán nợ theo quy định của pháp luật. Vì vậy, cần buộc vợ chồng bà L ông M liên đới trả cho bà V số tiền còn nợ là $31.280.000đ + 12.000.000đ = 43.280.000đ$ là phù hợp.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do thống nhất thay đổi quan hệ pháp luật với số tiền 14.720.000đ đối với số tiền mượn hụi.

[5] Xét yêu cầu của bà L, ông M về việc xin trả dần số nợ là không có cơ sở chấp nhận được, do yêu cầu của ông, bà không được bà P đồng ý. Hơn nữa Bộ luật dân sự cũng không quy định thời gian trả chậm nêu các đương sự không có thỏa thuận. Phương thức thanh toán nợ như thế nào thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

[6] Bà L, ông M trình bày yêu cầu tiếp tục được đóng hụi như thỏa thuận cho đến khi đầy hụi mãn. Xét thấy lời trình bày của ông, bà là không cần thiết, bởi lẽ: Ông, bà không phải là thành viên tham gia đầy hụi, mà đó là nghĩa vụ của bà P đối với chủ hụi.

[7] Đối với phần lãi suất của nguyên đơn cho bị đơn mượn hụi là ngày 06/4/2020 (âm lịch) tức ngày 28/4/2020 (dương lịch), theo lời trình bày của các bên thì sau 02 tháng sẽ trả đủ số tiền đã mượn, tuy nhiên tại phiên tòa sau khi các bên thống nhất thay đổi quan hệ pháp luật tranh chấp thì bà L cũng thống nhất tính lãi kể từ ngày hốt hụi và mức lãi suất 20%/năm, cụ thể là: $31.280.000đ \times 20\% : 12 \text{ tháng} \times 8 \text{ tháng} 23 \text{ ngày} = 4.570.354đ$.

Đối với phần lãi của số tiền 12.000.000đ được tính từ ngày 17/5/2020 (âm lịch) tức ngày 07/7/2020 (dương lịch) nhưng theo lời trình bày của các bên thì sau 01 tháng sẽ trả và các bên không có thỏa thuận về lãi suất, như vậy ngày bắt đầu tính lãi quá hạn là ngày 07/8/2020 đến ngày 21/01/2021 là: $12.000.000đ \times 20\% : 12 \text{ tháng} \times 5 \text{ tháng} 14 \text{ ngày} = 547.000đ$.

Như vậy tổng cộng bà L, ông M phải trả tiền lãi cho bà Phụng là $4.570.354đ + 547.000đ = 5.117.354đ$.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà L, ông M bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 228; Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thúy L và ông Phạm Duy M có nghĩa vụ trả số tiền 48.397.354đ (Bốn mươi tám triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm năm mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 43.280.000đ, nợ lãi là 5.117.354đ cho bà Lê Thị P.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do thống nhất thay đổi quan hệ pháp luật với số tiền 14.720.000đồng.

3/ Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trần Thúy L và ông Phạm Duy M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.419.868đ.

3/ Báo cho bà Lê Thị P, bà Trần Thúy L được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/01/2021). Ông M có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương;
- Những người TGT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Minh